

Số: **2998**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **30** tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Nông trường  
Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, lập đồ án quy hoạch chung thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn đến năm 2030;*

*Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3043/TTr-SXD ngày 17/12/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đến năm 2030, với những nội dung như sau:

**1. Tên đề án:** Quy hoạch chung thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đến năm 2030.

## **2. Vị trí, ranh giới**

**2.1. Vị trí địa lý:** Khu vực nghiên cứu lập Quy hoạch chung thị trấn Nông trường Trần Phú bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn.

**2.2. Ranh giới:** Phía Bắc giáp xã Tân Thịnh và xã Cát Thịnh; phía Nam giáp xã Minh An và xã Thượng Bằng La; phía Đông giáp xã Chấn Thịnh; phía Tây giáp xã Cát Thịnh.

## **3. Tính chất và quy mô**

### **3.1. Tính chất**

- Là khu trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, kết hợp với dịch vụ du lịch, thương mại của thị trấn và phát triển dân cư đô thị khu vực.

- Là khu vực có vị trí quan trọng, đầu mối về giao thông vận tải và khai thác nông sản đặc trưng của địa phương nhằm phát huy các tiềm năng, thế mạnh của huyện và của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Có vị trí quốc phòng, an ninh quan trọng của khu vực.

### **3.2. Quy mô**

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 1900,31ha được xác định trên bản đồ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

- Quy mô dân số: Dân số hiện tại khu vực lập quy hoạch khoảng 5.824 người, dự báo đến năm 2030 là 10.000 người.

## **4. Mục tiêu của đề án**

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Văn Chấn và quy hoạch vùng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần thay đổi diện mạo đô thị khu vực.

Xây dựng mô hình trung tâm hành chính kết hợp với dịch vụ du lịch, thương mại, chỉnh trang, phát triển dân cư khu vực, đảm bảo tính đồng bộ của các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; không gian kiến trúc hài hòa với cảnh quan chung; khai thác, sử dụng đất có hiệu quả, đồng thời đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững; đặc biệt duy trì các vùng trồng cây ăn quả thế mạnh của thị trấn đạt hiệu quả cao đối với khu vực cũng như khu vực lân cận.

- Đề xuất một cách cụ thể khả năng cải tạo và sử dụng đất đồng thời xác định được các chức năng của các khu đất, các lô đất một cách hợp lý nhất, góp phần cải tạo môi trường sinh thái khu vực, đồng thời đảm bảo giữ gìn cảnh quan khu vực cho phù hợp.

- Đề xuất các giải pháp thích hợp cho hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, trong đó vấn đề chủ yếu là giải pháp san tạo mặt bằng và thoát nước, đồng thời định hướng cho việc cấp nước, cấp điện cho khu vực quy hoạch.

- Làm cơ sở quản lý, xây dựng và phát triển đô thị về sử dụng đất đai, không gian quy hoạch kiến trúc, cơ sở hạ tầng, tạo lập môi trường sống thích hợp đảm bảo kết hợp hài hòa giữa các chức năng sản xuất, dịch vụ, cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo vệ sinh môi trường và quốc phòng, an ninh.

### 5. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(ha)	(%)
<b>1</b>	<b>Đất ở</b>	<b>257,24</b>	<b>13,54</b>
	Đất ở đô thị hiện hữu	177,36	9,33
	Đất ở quy hoạch mới	79,88	4,20
<b>2</b>	<b>Đất công trình công cộng</b>	<b>89,3</b>	<b>4,70</b>
	Đất cơ quan	0,9	0,05
	Đất cơ sở y tế	3,85	0,20
	Đất cơ sở giáo dục	3,35	0,18
	Đất công cộng	5,64	0,30
	Đất thương mại- dịch vụ	10,12	0,53
	Đất sản xuất kinh doanh	65,44	3,44
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh</b>	<b>89,78</b>	<b>4,72</b>
	Đất cây xanh cảnh quan	58,15	3,06
	Đất cây xanh công viên	18,64	0,98
	Đất cây xanh thể thao	12,99	0,68
<b>4</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>30,1</b>	<b>1,58</b>
<b>5</b>	<b>Đất lâm nghiệp</b>	<b>174,88</b>	<b>9,20</b>
<b>6</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>	<b>1.091,42</b>	<b>57,43</b>
<b>7</b>	<b>Đất nghĩa trang</b>	<b>5,34</b>	<b>0,28</b>
<b>8</b>	<b>Đất đầu mối hạ tầng</b>	<b>4,3</b>	<b>0,23</b>
<b>9</b>	<b>Đất an ninh, quốc phòng</b>	<b>3,24</b>	<b>0,41</b>
<b>10</b>	<b>Đất giao thông</b>	<b>123,43</b>	<b>6,5</b>
<b>11</b>	<b>Diện tích mặt nước</b>	<b>31,27</b>	<b>1,6</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.900,31</b>	<b>100,0</b>

### 6. Định hướng phát triển đô thị và phân khu chức năng

#### 6.1. Cấu trúc không gian chính

- Xây dựng cơ sở hạ tầng mang tính bền vững, lâu dài tương xứng với đô thị giai đoạn năm 2025 - 2030, làm cơ sở hoàn thiện các thiết chế, đảm bảo đáp ứng tiêu chí cho đô thị loại V.

- Lấy tuyến đường Quốc lộ 37, đường trục chính dẫn vào trung tâm thị trấn và các trục đường liên xã làm hướng phát triển không gian đô thị, khu trung tâm chủ yếu được mở rộng sang hướng Bắc và hướng Tây Bắc.

## **6. 2. Cơ cấu phân khu chức năng**

Toàn bộ khu vực nghiên cứu lập quy hoạch được phân thành 04 khu chức năng chính, cụ thể:

- Phân khu số 1: Diện tích 476ha, bao gồm tổ dân phố Trung tâm, tổ dân phố số 3. Dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng 3000 người. Phân khu số 1 được xác định là trung tâm hành chính, chính trị của thị trấn, các công trình công cộng cơ bản giữ nguyên tại vị trí cũ.

- Phân khu số 2: Diện tích 458ha, bao gồm tổ dân phố Nhà máy, tổ dân phố số 9 và tổ dân phố số 10. Dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng 2500 người. Phân khu số 2 được xác định là trung tâm kinh tế, chăm sóc sức khỏe của thị trấn, một số công trình công cộng, dịch vụ, sản xuất cơ bản giữ nguyên tại vị trí cũ, có điều chỉnh quy mô, nhằm đảm bảo diện tích phục vụ.

- Phân khu số 3: Diện tích 473ha, bao gồm một phần tổ dân phố trung tâm và toàn bộ tổ dân phố số 2. Dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng 1500 người. Phân khu số 3 được xác định là trung tâm phát triển, bảo tồn sản phẩm nông nghiệp địa phương của thị trấn, một số công trình công cộng cơ bản giữ nguyên tại vị trí cũ, có điều chỉnh quy mô, nhằm đảm bảo diện tích phục vụ.

- Phân khu số 4: Diện tích 493,31ha, bao gồm một phần tổ dân phố số 7 và toàn bộ tổ dân phố số 19/5. Dân số quy hoạch đến năm 2030 khoảng 3000 người. Phân khu số 4 được xác định là duy trì, phát triển mô hình nông lâm sản kết hợp của thị trấn, khu vực này có nhiệm vụ phụ trợ phân khu số 2 cũng như cân bằng sinh thái, cải thiện môi trường cho toàn khu vực. Một số công trình công cộng cơ bản giữ nguyên tại vị trí cũ, có điều chỉnh quy mô, nhằm đảm bảo diện tích phục vụ.

## **7. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan**

- Tổ chức không gian quy hoạch toàn khu vực theo địa hình kết hợp hình thái không gian theo tuyến, các chức năng trong khu vực được tổ chức thành từng tuyến kết hợp các cụm trên cơ sở tận dụng các khu vực có địa hình bằng phẳng để bố trí các chức năng chính của đô thị theo dạng tập trung. Duy trì các khe tụ thủy, tận dụng các hành lang thoát nước tự nhiên để tiêu thoát nước cho đô thị một cách thuận tiện nhất.

- Các cửa ngõ vào đô thị:

+ Cửa ngõ số 1 phía Tây Bắc tại giao lộ giữa Quốc lộ 32 và Quốc lộ 37, kết nối khu vực với trung tâm huyện Văn Chấn.

+ Cửa ngõ số 2 giao giữa ranh giới thị trấn và Quốc lộ 37, hướng đi Hà Nội, Sơn La.

+ Cửa ngõ số 3 kết nối khu vực với xã Tân Thịnh (đi Quốc lộ 37).

- + Cửa ngõ số 4 kết nối khu vực với xã Chấn Thịnh.
- + Cửa ngõ số 5 kết nối khu vực với xã Minh An.
- + Cửa ngõ số 6 kết nối khu vực với xã Thượng Bằng La.
- Đất ở dân cư: Điểm dân cư ở trong khu vực được chỉnh trang theo hiện trạng, có điều chỉnh một số quỹ đất ở dân cư và canh tác hỗn hợp hiện nay thành đất cây xanh và các quỹ đất công cộng, tiện ích...
  - + Điểm dân cư ở khu đô thị mới: Bố trí theo các trục đường chính (đường liên xã; liên khu vực...theo tiêu chuẩn từ  $100m^2 \div 250m^2/hộ$ ).
  - + Điểm dân cư ở cũ: Các điểm dân cư trong các tổ dân phố giữ nguyên, ưu tiên sắp xếp lại các khu vực đã ở cố định với diện tích tối đa không quá  $500 m^2/hộ$ .
  - + Điều chỉnh sắp xếp xen cây cho các hộ tái định cư tại các tổ dân phố có quy hoạch hạ tầng kỹ thuật và các công trình dịch vụ công cộng khác.
- Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp:
  - + Giữ nguyên vị trí nhà máy chè thuộc Công ty cổ phần chè Trần Phú và Công ty TNHH thực phẩm Phú Tài. Mở rộng diện tích khu sản xuất nhằm đảm bảo diện tích phát triển lâu dài.
  - + Quy hoạch mới khu sản xuất tập trung tại tổ dân phố số 2, tổ dân phố số 19/5 nhằm phục vụ chế biến các sản phẩm nông sản địa phương;
- Dịch vụ, thương mại, du lịch:
  - + củng cố, nâng cấp chỉnh trang các điểm dịch vụ thương mại, du lịch đã có, thu hút đầu tư xây dựng dịch vụ khách sạn, lưu trú cộng đồng nâng cao chất lượng phục vụ.
  - + Khu đô thị mới: Ưu tiên xây dựng các nhà hàng, khách sạn tại các điểm đầu mối giao thông.
- Giáo dục đào tạo: Giữ nguyên vị trí cũ (điểm chính), quy hoạch mới vị trí xây dựng trường Mầm non tại tổ dân phố Trung Tâm. Các điểm trường đều được mở rộng diện tích, cải tạo, nâng cấp để đảm bảo nhu cầu giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh trong khu vực thị trấn.
- Y tế: Công trình y tế giữ nguyên vị trí cũ (gồm Trung tâm y tế huyện tại tổ dân phố số 9 và trạm y tế thị trấn tại tổ dân phố Trung tâm); mở rộng quy mô và nâng cấp, bổ xung trang thiết bị, nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trong khu vực và khu vực lân cận.
- Văn hoá, Thể dục thể thao:
  - + Các công trình văn hoá, thể dục thể thao, công viên cây xanh cấp đô thị được quy hoạch mới tại khu trung tâm thị trấn cũng như trung tâm các khu dân cư...;
  - + Các công trình nhà văn hoá tại các tổ dân phố cơ bản giữ nguyên tại các vị trí hiện nay, quy hoạch mới nhà văn hóa tổ dân phố trung tâm, đồng thời mở rộng diện tích các điểm sinh hoạt cộng đồng nhằm đảm bảo quy mô phục vụ.

- Đất quốc phòng, an ninh: Giữ nguyên vị trí, quỹ đất đã xây dựng; cập nhật, bổ sung quy hoạch quỹ đất quốc phòng tại tổ dân phố số 1.

## **8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị**

### **8.1. Chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật**

- San nền:

+ Do đặc thù của địa hình miền núi, không xây dựng các công trình dân dụng ở những nơi có hiện tượng nứt, trượt, lở núi ở các sườn đồi, hạn chế bạt mái dốc để hạn chế trượt lở khi có mưa lớn.

+ Các công trình xây dựng có cao độ nền phù hợp với khu vực xung quanh để đảm bảo khi có nước mưa thoát tự chảy, không gây ngập úng cục bộ.

+ Xây dựng hệ thống hồ điều hòa nhằm hạn chế nước tràn vào các khu dân cư, tạo dòng chảy về các suối trong khu vực;

- Thoát nước mưa:

+ Nguyên tắc thiết kế: Tận dụng địa hình tự nhiên, đảm bảo thoát nước mưa một cách triệt để trên nguyên tắc tự chảy. Mạng lưới thoát nước gồm các đường cống có chiều dài thoát nước ngắn nhất, thời gian thoát nước nhanh nhất, đảm bảo tiêu thoát cho cả lưu vực ngoài phạm vi quy hoạch.

+ Giải pháp thiết kế: Sử dụng hệ thống thoát nước chung tại khu đô thị cũ và hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn tại những khu vực xây dựng mới; Phân chia thành 03 lưu vực thoát nước chính: Lưu vực số 1 (gồm toàn bộ tổ dân phố số 10 và tổ dân phố Nhà Máy) nước thoát theo hướng từ Tây Bắc sang Đông Nam chảy qua các khe tự thủy ra suối Ngòi Lao; Lưu vực số 2 (khu vực tổ dân phố số 9, tổ dân phố số 3 và tổ dân phố Trung Tâm) nước thoát theo hướng từ Nam, Tây Nam lên phía Bắc qua khe tự thủy ra suối Ngòi Lao; Lưu vực số 3 (khu vực còn lại thuộc tổ dân phố số 2, tổ dân phố số 7 và tổ dân phố 19/5) nước thoát theo hướng từ Nam, Đông Nam lên hướng Bắc chảy qua các khe tự thủy khu vực ra suối Ngòi Lao.

### **8.2. Quy hoạch giao thông**

- Hệ thống giao thông cơ bản bám sát về hướng tuyến đối với các tuyến giao thông hiện hữu; mạng lưới được thiết kế theo dạng ô cờ tại một số khu vực có địa hình thích hợp, kết hợp với các trục hướng tâm tạo ra mạng lưới giao thông liên hoàn, kết nối thuận lợi giữa các khu chức năng của đô thị.

- Giao thông đối ngoại:

+ Xác định tuyến Quốc lộ 37 là tuyến đối ngoại chính với quy mô mặt cắt được quy hoạch  $B_n = 9,5 + 2 \times 5m = 19,5m$ .

+ Tuyến đường trục trung tâm dẫn từ Quốc lộ 37 vào trung tâm thị trấn kết nối liên xã đi xã Tân Thịnh và xã Chấn Thịnh có quy mô mặt cắt có  $B_n = 13,5m$ ,  $B_m = 7,5 + 2 \times 3m$  ;

+ Cải tạo mở rộng các tuyến đường liên khu vực kết nối các tổ dân phố; các tuyến đường liên xã (Cát Thịnh, Minh An, Thượng Bằng La) lên quy mô mặt cắt có  $B_n = 7,5 + 2 \times 3m = 13,5m$ .

+ Quy hoạch mới các tuyến đường có quy mô  $B_n = 7 + 2 \times 3m = 13m$ .

- Giao thông nội khu là các trục đường ngõ, xóm kết nối các khu ở, quy mô mặt cắt quy hoạch  $B_n = 6 - 12m$ .

### **8.3. Quy hoạch cấp nước**

- Tổng nhu cầu sử dụng nước dự kiến đến năm 2030 là  $1300m^3/ngày$  đêm.

- Quy hoạch mới khu xử lý nước sạch tại khu vực núi Dày với công suất  $1500m^3/ngđ$ , xây dựng các trạm bơm tăng áp nhằm đảm bảo cung cấp nước cho toàn bộ thị trấn.

### **8.4. Quy hoạch cấp điện**

- Tổng nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030 của thị trấn nông trường Trần Phú là 7.084Kw, trong đó đợt đầu đến năm 2025 là 3.190 Kw.

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện của lưới Quốc gia, lấy từ trạm 110 KV- Tân Thịnh chạy qua khu vực.

### **8.5. Quy hoạch thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang**

- Quy hoạch thoát nước thải:

+ Tổng nhu cầu thoát nước thải của thị trấn Nông trường Trần Phú đến năm 2030 là  $1170 m^3/ngày$  đêm.

+ Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại công trình được dẫn theo cống thoát nước thải riêng, đường kính D300mm về khu xử lý. Nước thải từ các cơ sở dịch vụ công cộng, cơ sở y tế được xử lý cục bộ riêng sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- Quy hoạch thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Tổng lượng chất thải rắn đến năm 2030 khoảng  $10,5$  tấn/ngđ.

+ Phương án tổ chức thu gom: Quy hoạch các điểm tập kết chất thải rắn; toàn bộ rác thải được thu gom về khu xử lý rác thải tập của khu vực đặt tại xã Thượng Bằng La.

- Quy hoạch nghĩa trang tập trung: Giữ nguyên tại vị trí hiện hữu ( bao gồm nghĩa trang nhà máy Trần Phú, nghĩa trang Khe Hù và nghĩa trang tổ dân phố số 2), mở rộng quy mô phục vụ các nghĩa trang với tổng diện tích là 7,2ha.

## **9. Các dự án ưu tiên đầu tư**

Giai đoạn 2021–2025 ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng và các công trình trọng điểm như: các trục đường ngang trong đô thị (khu trung tâm thị trấn, tổ dân phố

số 9 và số 10); trạm xử lý nước sạch; lắp đặt hệ thống cấp nước sinh hoạt (khu trung tâm thị trấn); cải tạo, nâng cấp và xây dựng hệ thống cấp điện; xây mới các khu dân cư; xây dựng trung tâm văn hóa thị trấn và 03 nhà văn hóa; xây dựng và nâng cấp 02 nghĩa trang nhân dân; xây dựng công viên trung tâm.

### **10. Đánh giá môi trường chiến lược**

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; môi trường nước, đất; các vấn đề văn hóa xã hội, cảnh quan thiên nhiên...; Phân tích dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra mục tiêu bảo vệ môi trường, các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch; Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường; Tổng hợp, đề xuất, sắp xếp thứ tự ưu tiên, phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường còn tồn tại, đề xuất các khu vực cách ly bảo vệ môi trường (không gian xanh, hành lang bảo vệ suối, hồ các khu vực hạn chế phát triển...).

### **11. Thành phần hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ quy hoạch như hồ sơ kèm theo được Sở Xây dựng thẩm định, trình duyệt theo quy định tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng, bao gồm: Thuyết minh quy hoạch, hồ sơ bản vẽ quy hoạch, quy định quản lý theo quy hoạch.

- Hồ sơ quy hoạch gồm 07 bộ, được lưu trữ tại Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn và các cơ quan chức năng liên quan để quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

- Tổ chức bàn giao hồ sơ quy hoạch cho các đơn vị liên quan; công bố công khai đồ án Quy hoạch chung thị trấn Nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đến năm 2030 để các tổ chức và nhân dân biết, tham gia kiểm tra và thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu theo quy hoạch chung đã phê duyệt, làm cơ sở để quản lý đất đai và cấp phép xây dựng theo quy định.

- Xây dựng quy chế quản lý đô thị, chương trình phát triển đô thị, các cơ chế chính sách và kế hoạch thực hiện đầu tư theo từng giai đoạn; tập trung huy động các nguồn lực để triển khai việc đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án đầu tư, phát triển đô thị theo quy hoạch đã phê duyệt đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành.



**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Chấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:* *pv*

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Thế Phước;
- Công thông tin điện tử;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, TNMT, XD. *huy*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature in blue ink]*  
**Trần Huy Tuấn**